

Luật khuyến khích đầu tư trong nước (KKĐTTN) được xây dựng trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm khuyến khích đầu tư của các nước trong khu vực và thế giới, nhất là những nước có điều kiện gần giống VN và có những thành công lớn về kinh tế gần đây. Luật KKĐTTN được Quốc hội khóa IX thông qua ngày 22.6.1994, có hiệu lực từ 1.1.1995 tạo cơ sở pháp lý cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn, tài nguyên lao động và các tiềm năng khác của đất nước nhằm góp phần phát triển kinh tế xã hội, vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

I. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

1. Mục đích của luật KKĐTTN

- Thúc đẩy các tổ chức và nhân dân bỏ vốn ra đầu tư kinh doanh, tạo ra việc làm, tăng thu nhập và đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế.

- Định hướng đầu tư vào các lãnh vực được chọn lựa: phát huy lợi thế so sánh, chuyển đổi cơ cấu, thực hiện chiến lược phát triển KTXH.

- Định hướng phát triển các vùng khó khăn nhằm thực hiện chuyển dịch cơ cấu vùng lãnh thổ, giảm sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng khác nhau của đất nước.

2. Ý nghĩa của luật KKĐTTN

- Về mặt pháp lý: xóa dần sự phân biệt trong chính sách ưu đãi giữa đầu tư trong nước (ĐTNN) và đầu tư nước ngoài (ĐTN), hình thành môi trường pháp lý bình đẳng cho các nhà đầu tư, hạn chế sự thua thiệt của các nhà ĐTTN đối với ĐTN. Là cơ sở vững chắc, đủ độ tin cậy để các tổ chức và cá nhân trong nước yên tâm đầu tư vào sản xuất làm giàu cho mình và cho xã hội.

- Về chính trị: chủ động khai thác những nguồn vốn trong nước, không ỷ lại vào vốn nước ngoài, coi nguồn vốn trong nước là động lực thúc đẩy nền kinh tế phát triển ổn định, lâu dài.

Luật KKĐTTN còn làm tăng thêm sự tin tưởng của các nhà ĐTN vào chính sách kinh tế của VN. Như vậy Luật KKĐTTN không phải là đối kháng mà là gián tiếp thúc đẩy thu hút vốn ĐTN.

- Về kinh tế: thể hiện mục tiêu khuyến khích tiết kiệm, cần kiệm xây dựng đất nước, hạn chế tình trạng tiêu xài xa hoa lãng phí trong xã hội và trong bộ máy nhà nước. Động viên mọi nguồn vốn tiềm tàng của nhân dân vào đầu tư phát triển sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và

MỘT GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THU HÚT ĐTN VÀO VN ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC HIỆN LUẬT KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRONG NƯỚC

Luật sư NGÔ THỊ NGỌC THU

Thạc sĩ kinh tế

mức sống của nhân dân.

3. Đối tượng áp dụng luật KKĐTTN

Đối tượng áp dụng của luật bao gồm:

(1). Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế:

a. Doanh nghiệp nhà nước (được khuyến khích với phần đầu tư là vốn tự có, không áp dụng với phần vốn do ngân sách cấp).

b. Doanh nghiệp các tổ chức chính trị xã hội.

c. Hợp tác xã.

d. Công ty trách nhiệm hữu hạn.

đ. Công ty cổ phần.

e. Doanh nghiệp tư nhân lập theo Luật DNTN.

(2). Cá nhân và tổ chức kinh doanh có mức vốn thấp hơn vốn pháp định để thành lập công ty hoặc DNTN, hoạt động theo Nghị định 66/HĐBT ngày 2.3.1992.

(3). Tổ chức, cá nhân mua cổ phần hoặc góp vốn vào doanh nghiệp.

(4). Doanh nghiệp do người VN định cư ở nước ngoài đầu tư trực tiếp tại VN chọn theo Luật KKĐTTN thay vì LĐTNN.

(5). Người nước ngoài cư trú lâu dài tại VN đầu tư trực tiếp tại VN.

Luật KKĐTTN chỉ áp dụng đối với những dự án đầu tư thành lập mới hoặc đầu tư mở rộng sau khi có luật KKĐTTN. Luật KKĐTTN được áp dụng với tổ chức và cá nhân người VN ở nước ngoài đầu tư về VN.

II. CÁC BIỆN PHÁP HỖ TRỢ VÀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ THEO LUẬT KKĐTTN

1. Các biện pháp hỗ trợ đầu tư:

Những dự án đầu tư mới thành lập do tiềm lực còn yếu, chưa có chỗ đứng trên thị trường cần sự hỗ trợ của nhà nước để đứng vững. Điều 7 của luật KKĐTTN xác định 7 biện pháp hỗ trợ đầu tư nhằm giúp các xí nghiệp mới thành lập theo luật tự vượt qua giai đoạn khó khăn ban đầu:

a. Giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của luật đất đai:

Nhà nước giao đất hoặc cho thuê đất theo quy định của pháp luật cho các chủ đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế. Nhà nước sẽ quy hoạch lại đất đai để đảm bảo ưu tiên cho các chủ đầu tư để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh. Chủ đầu tư phải sử dụng

đúng mục đích, đúng quy hoạch và không được mua bán chuyển nhượng đất để kiếm lời.

b. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp:

Nhà nước xây dựng và khuyến khích hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp để làm mặt bằng xây dựng cơ bản sản xuất kinh doanh.

c. Lập và khuyến khích lập các quỹ hỗ trợ đầu tư:

Lập và khuyến khích các quỹ hỗ trợ đầu tư để cho vay đầu tư trung hạn và dài hạn. Quỹ thu hút vốn nhân rồi của cá nhân và các tổ chức, là công cụ điều tiết vốn từ nơi thừa sang nơi thiếu, đảm bảo mọi nguồn vốn được huy động và sử dụng có hiệu quả.

Mục đích của quỹ không phải là lợi nhuận, mà nhằm thu hút thêm các nguồn vốn trong và ngoài nước để cấp vốn tín dụng trung và dài hạn với lãi suất hợp lý cho các chủ đầu tư vào các ngành và vùng cần ưu tiên phát triển theo định hướng của nhà nước. Hàng năm ngân sách sẽ góp một phần vốn cho quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia để hỗ trợ cho các dự án cần ưu tiên phát triển.

d. Góp vốn thông qua các quỹ hỗ trợ đầu tư, ngân hàng thương mại, công ty tài chính vào các doanh nghiệp:

Nhà nước quy định vốn góp của các quỹ bảo hiểm, các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính và một số doanh nghiệp lớn cho quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia.

Nhà nước quy định thêm chức năng bảo lãnh tín dụng cho các ngân hàng để giúp doanh nghiệp vay vốn nước ngoài.

e. Quy định việc bảo lãnh tín dụng đầu tư:

Nhà nước quy định việc bảo lãnh tín dụng đầu tư của các ngân hàng, tổ chức tín dụng và công ty tài chính để hỗ trợ cho các doanh nghiệp trong trường hợp cần vay vốn nước ngoài.

f. Hỗ trợ các dịch vụ đầu tư:

Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ cho các tổ chức tư vấn quản lý và kinh doanh, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo dạy nghề, nâng cao kiến thức quản lý, cung cấp thông tin kinh tế, phổ biến và chuyển giao công nghệ

trong đó có các tổ chức của nhà nước để cung cấp dịch vụ đầu tư cần thiết với lệ phí hợp lý.

g. Chuyển giao công nghệ với phí ưu đãi:

Công nghệ có vai trò ngày càng lớn trong lãnh vực sản xuất kinh doanh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa cũng nhằm thu hút công nghệ tiên tiến vào trong nước. Nhà nước phổ biến và chuyển giao công nghệ phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh. Nhà nước đầu tư cho hoạt động nghiên cứu công nghệ mới ngay trong nước. Các chủ đầu tư được phép sử dụng công nghệ mới với phí ưu đãi.

Ngoài ra nhà nước còn tạo điều kiện thuận lợi khi doanh nghiệp thuê chuyên gia nước ngoài.

2. Các chính sách ưu đãi đầu tư

a. Ưu đãi về thuế (điều 10):

Để tránh rườm rà dễ tạo tiêu cực, Luật KKĐTTN rút gọn các mức ưu đãi và mở rộng các nhóm đối tượng được hưởng mức ưu đãi chung, theo các danh mục A, B, C. Các mức ưu đãi cụ thể qui định trong nghị định hướng dẫn thi hành.

Nguyên tắc ưu đãi: đầu tư vào các ngành sản xuất được ưu đãi cao hơn ngành dịch vụ, đầu tư vào các lãnh vực cần đặc biệt khuyến khích đầu tư được hưởng ưu đãi cao hơn đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi chung. Đầu tư vào vùng có mức độ khó khăn hơn thì mức ưu đãi cao hơn. Luật KKĐTTN không sửa đổi các mức thuế của các luật thuế mà chỉ điều chỉnh thời hạn miễn giảm thuế.

Các cơ sở đã thành lập nay chia, tách nhập; đổi tên, thay đổi mặt hàng sản xuất không thuộc đối tượng được ưu đãi về thuế. Luật KKĐTTN có điều chỉnh về miễn giảm thuế lợi nhuận dùng tái đầu tư là 1 năm phần lợi nhuận tăng thêm do tái đầu tư thay vì không quá 50% lợi nhuận tái đầu tư như trong Luật thuế lợi tức.

Các dự án được đặc biệt khuyến khích được Chính phủ cho phép được miễn thuế nhập khẩu để xây dựng cơ sở sản xuất. Từ 10.1996 điều chỉnh tương đối hợp lý thống nhất sự khác biệt này giữa Luật ĐTNN và Luật KKĐTTN về phần nhập khẩu thiết bị, máy móc phụ tùng.

Lợi nhuận từ việc mua cổ phần, góp vốn được miễn thuế thu nhập (cá nhân) hay lợi tức (tổ chức) trong thời hạn 3 năm kể từ khi lợi nhuận được chia.

b. Ưu đãi về tín dụng và bảo lãnh tín dụng từ quỹ bảo trợ đầu tư và ngân hàng thương mại quốc doanh (điều 11):

Chính sách ưu đãi về tín dụng phụ thuộc chặt chẽ vào tiềm lực kinh tế chung và phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của hệ thống tín dụng ngân

hàng. Quan hệ tín dụng theo cơ chế thị trường. Nhà nước quy định nghĩa vụ bắt buộc đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng và công ty tài chính trong việc hỗ trợ vốn cho đầu tư trong nước.

Nguồn tín dụng từ ngân sách nhà nước hạn chế chỉ tập trung cho những dự án thuộc diện ưu đãi.

Mức lãi suất ưu đãi sẽ dành cho các dự án ở các vùng khó khăn, miền núi, hải đảo.

Tín dụng từ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia nằm trong khuôn khổ những ưu đãi dành cho doanh nghiệp ưu tiên phát triển.

Tín dụng xuất khẩu là loại tín dụng ưu đãi dành cho các mặt hàng xuất khẩu nhằm kích thích tăng kim ngạch xuất khẩu.

III. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT KKĐTTN

1. Tình hình thực hiện

Luật khuyến khích ĐTTN có hiệu lực thi hành từ ngày 1.1.1995, nhưng đến hơn 4 tháng sau mới có các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành:

- Nghị định 29/CP ngày 12.5.95 quy định chi tiết thi hành LKKĐTTN

- Thông tư 03/TT - NH1 ngày 1.9.1995 của Ngân hàng nhà nước VN hướng dẫn thi hành ND 29 - CP.

- Thông tư 06/UB - QLKT ngày 27.9.1995 của Ủy ban kế hoạch đầu tư (nay là Bộ kế hoạch và đầu tư) quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép chứng nhận ưu đãi đầu tư theo Luật KKĐTTN.

- Công văn 1394/NHCT - TD ngày 27.9.1995 của Ngân hàng Công thương VN hướng dẫn về cho vay ưu đãi lãi suất đối với các doanh nghiệp làm hàng xuất khẩu.

- Quyết định số 808 - TTg ngày 9.12.1995 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia.

- Thông tư 94/TC - TCT ngày 22.12.1995 của Bộ tài Chính hướng dẫn thủ tục, trình tự, thẩm quyền xét miễn giảm thuế theo Luật KKĐTTN.

- Thông tư 02/BKH - DN ngày 30.1.1996 của Bộ kế hoạch và đầu tư hướng dẫn về thủ tục đầu tư tại VN của người VN định cư ở nước ngoài và người nước ngoài định cư ở VN.

- Công văn số 2367/BKH - QLKT ngày 27.5.1996, hướng dẫn sửa đổi một số điểm trong thông tư 06/UB - QLKT về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

- Quyết định số 462/TTg ngày 09.7.1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc duyệt Điều lệ quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia.

Vì các văn bản pháp quy hướng dẫn dưới luật ban hành chậm và chưa đầy đủ nên Luật KKĐTTN từ khi được Quốc hội thông qua đến nay đã 2 năm, việc thực hiện luật quá chậm

chưa đi vào cuộc sống: cấp giấy chứng nhận ưu đãi (thuế, tín dụng, giao đất, thuê đất...) còn phiền hà, không tập trung vào một đầu mối.

Từ khi có thông tư 06/UB - QLTK ngày 27.9.1995 và thông tư 94/TC/TCT ngày 22.12.1995 hướng dẫn trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét miễn giảm thuế của Bộ tài chính thì tiến độ triển khai Luật KKĐTTN trong nước mới tiến triển.

Theo kết quả khảo sát điều tra của Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương tại 7 tỉnh, thành phố là: Hà Nội, Hải Phòng, Hải Hưng, Hà Tây, TP.HCM, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu đến tháng 8.1996 cho thấy tình hình triển khai thực hiện Luật KKĐTTN không đồng đều. Một số nơi vẫn còn đang xét duyệt chưa cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư nào. Riêng TP Đồng Nai là thực hiện tốt nhất, đến hết tháng 5.1996 đã cấp được 9 giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, gồm có 02 giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư mới và 07 giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư mở rộng, trong đó có 2 công ty trách nhiệm hữu hạn và 1 doanh nghiệp tư nhân.

Mới đây, Bộ kế hoạch và đầu tư cũng vừa cấp 1 giấy phép đầu tư trong nước nhóm A đầu tiên cho 1 công ty cổ phần thương mại, sản xuất và xây dựng thành lập khu công nghiệp Đồng An tại Sông Bé (số 01/GP - ĐTTN ngày 14.11.1996).

2. Các khó khăn trong việc thực hiện Luật KKĐTTN

Những khó khăn trong việc thi hành luật khuyến khích đầu tư nước ngoài:

a. Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi:

Vấn đề tham khảo ý kiến của Sở tài chính và Ngân hàng nhà nước tỉnh, là hai cơ quan không có liên quan đến việc xét ưu đãi đầu tư, thay vì Cục thuế hay Cục đầu tư và phát triển, khi xem xét hồ sơ xin ưu đãi, đã tạo ra việc dùn dẩy trách nhiệm làm chậm việc xét duyệt.

b. Về xét miễn thuế:

Các cơ sở liên hệ việc tách, nhập, đổi tên không thuộc diện xét duyệt như các cơ sở mới thành lập, không có ghi trong Nghị định 29/CP.

Thẩm quyền xét miễn giảm thuế của Cục thuế tỉnh, thành phố khá thấp:

- Thuế doanh thu đến 5.000.000đ/tháng.

- Thuế lợi tức đến: 50.000.000đ/năm.

c. Về xác định công nghệ hiện đại:

Ưu đãi cho công nghệ hiện đại có 1 trong 7 tiêu chuẩn sau:

- Công nghệ áp dụng có khả năng tạo ra đổi mới công nghệ, thiết bị ở ngành khác như chế tạo máy,

điện, điện tử, tin học...

- Công nghệ sử dụng nguyên liệu trong nước tạo ra sản phẩm đạt chỉ tiêu kỹ thuật cao hơn sản phẩm cùng loại.

- Công nghệ tạo ra sản phẩm có chất lượng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hay thay thế nhập khẩu.

- Công nghệ có tác dụng nâng cao chất lượng sản phẩm của ngành nghề truyền thống.

- Công nghệ sạch, công nghệ sử dụng nguyên liệu là các chất phế thải có tác dụng làm giảm ô nhiễm môi trường.

- Công nghệ sản xuất vật liệu mới.

- Công nghệ cao.

Các quy định về xét duyệt tiêu chuẩn công nghệ được hướng ưu đãi như trên là còn chung chung và thuộc lĩnh vực chuyên môn làm khó khăn cho cơ quan xét duyệt.

d. Về số lao động tối thiểu của dự án:

Hai trăm người ở các địa phương không phải là đô thị và miền núi là cao so với tình hình sản xuất kinh doanh còn thấp ở các vùng khó khăn.

e. Về các biện pháp hỗ trợ đầu tư:

- Chỉ có biện pháp lập và khuyến khích các quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia cho vay trung và dài hạn là có quyền định, điều lệ và được triển khai thực hiện.

- Còn 6 biện pháp khác là: giao đất hoặc cho thuê đất; xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp để cho thuê làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; góp vốn thông qua các quỹ hỗ trợ đầu tư, ngân hàng thương mại, công ty tài chính, vào các cơ sở SXKD. Bảo lãnh tín dụng đầu tư; hỗ trợ các chương trình dịch vụ khuyến khích đầu tư; phổ biến và chuyển giao công nghệ thì chưa có đủ các văn bản dưới luật hướng dẫn thực hiện.

f. Về sự hiểu biết Luật KKĐT trong nước:

Sự hiểu biết và thông tin về Luật KKĐT trong nước còn hạn chế đối với các nhà đầu tư và một số cơ quan quản lý. Việc tổ chức thực hiện còn chậm. Một số địa phương chỉ tập trung vận dụng cho khu vực quốc doanh trong khi tinh thần của Luật này là hỗ trợ cho tất cả các thành phần kinh tế. Một số cơ quan có thái độ kém hào hứng thực hiện luật xuất phát từ nhận thức về lợi ích ngắn hạn, chưa thấy được những nguồn lợi lớn về kinh tế xã hội trong dài hạn. Nhiều giám đốc công ty, doanh nghiệp tư nhân chưa hề thấy luật KKĐTTN và nghị định 29CP chứ nói gì đến các văn bản pháp quy như thông tư 06/UB-QLKT...

g. Thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, địa phương:

Trong việc tổ chức thực hiện Luật KKĐTTN chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành và các địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

IV. CÁC BIỆN PHÁP CẦN THỰC HIỆN ĐỂ ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC HIỆN LUẬT

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến luật KKĐTTN và các nghị định, văn bản hướng dẫn thi hành

- Tuyên truyền trên các báo, đài, phương tiện thông tin đại chúng khác về chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư. Nêu rõ chính sách nào có khả năng thực hiện ngay, chính sách nào chưa thực hiện được.

- Mở các lớp tập huấn cho đội ngũ cán bộ các ngành có liên quan, các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân.

- Xuất bản các tài liệu về Luật KKĐTTN, các nghị định, thông tư, văn bản giải thích và hướng dẫn cụ thể, dễ hiểu để các chủ doanh nghiệp có thể căn cứ vào đó mà làm hồ sơ xin ưu đãi hoặc xin hỗ trợ đầu tư.

2. Cụ thể hóa các biện pháp hỗ trợ đầu tư

Cần sớm cụ thể hóa đầy đủ 7 biện pháp hỗ trợ đầu tư được ghi trong điều 7 Luật KKĐTTN bằng các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Đơn giản hóa thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi

Giấy chứng nhận ưu đãi là căn cứ thực hiện các ưu đãi. Cần đơn giản hóa thủ tục để chủ đầu tư chỉ làm một lần hồ sơ và gửi đến một cơ quan xin cấp chứng nhận ưu đãi. Các bộ, ngành có liên quan chỉ quy định các thủ tục nghiệp vụ để thực hiện.

4. Quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của đối tượng được ưu đãi

Cần quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của chủ đầu tư là người VN định cư ở nước ngoài và người nước ngoài định cư ở VN cũng có quyền lợi, nghĩa vụ như công dân VN ở trong nước (trừ quy chế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài và các thủ tục cư trú).

5. Quy định rõ danh mục các DN thuộc diện khuyến khích đầu tư

Luật KKĐTTN và Nghị định 29/CP chỉ quy định danh mục các dự án đầu tư, các vùng được ưu đãi theo các danh mục A, B, C không có danh mục các doanh nghiệp thuộc diện khuyến khích đầu tư. Cần có quy định rõ danh mục này.

V. ĐẨY MẠNH VIỆC THỰC HIỆN LUẬT KKĐTTN TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Đầu tư trong nước trước đây chưa được quan tâm đúng mức và đầu tư nước ngoài được coi như một lãnh vực riêng ít có liên hệ đến đầu tư trong nước, kinh nghiệm các nước và việc áp dụng luật ĐTTN trong thời gian qua đã cho chúng ta thấy rằng để việc thu hút và sử dụng vốn nước ngoài có

hiệu quả thì cần huy động nguồn vốn trong nước trên cơ sở đẩy mạnh việc áp dụng Luật KKĐTTN:

1. Để đảm bảo hiệu quả đầu tư nước ngoài theo mục tiêu công nghiệp hóa và tái tạo được ngoại tệ để trả nợ thì điều tiên quyết là phải tạo môi trường để doanh nghiệp tư nhân trong nước ngày càng tham gia tích cực hơn vào đầu tư sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường và mở rộng thị trường ra nước ngoài.

2. Vốn nước ngoài có thể bù đắp cho sự thiếu hụt tiết kiệm trong nước, nhưng vốn nước ngoài không thể trở thành yếu tố quyết định trong sự nghiệp công nghiệp hóa và không thể để cán bộ quan liêu tham nhũng làm cho các dự án đầu tư, nhất là có vay vốn thương mại không kiểm soát được, làm ăn không hiệu quả sẽ tạo hậu quả gánh nặng nợ cho tương lai.

3. Biện pháp vừa cấp bách vừa dài hạn trong sự nghiệp công nghiệp hóa là phải huy động vốn trong nước ở mức cao nhất. Muốn có kết quả trong việc huy động vốn trong nước thì phải đẩy mạnh cải cách, phát triển hệ thống tín dụng, ngân hàng và từng bước mở thị trường chứng khoán.

4. Đưa Luật KKĐTTN đi vào cuộc sống một cách mạnh mẽ. Nhà nước chỉ đầu tư trực tiếp trong những trường hợp cần thiết mà chuyển sang cho vay đầu tư phát triển.

5. Yếu tố quyết định tăng tỉ lệ tiết kiệm là vừa vận động các tuyến truyền khuyến khích tiết kiệm, tiết kiệm để đầu tư hay tiết kiệm qua hệ thống ngân hàng, tín dụng. Chính sách thuế khóa và các biện pháp hành chính cần thiết để ngăn chặn tiêu dùng không lành mạnh và trong trường hợp nước ta cần ngăn chặn việc chi tiêu lãng phí của khu vực kinh tế quốc doanh và nhà nước.

6. Đặt trọng tâm vào các ngành có lợi thế so sánh và theo định hướng xuất khẩu, và xem đó là chiến lược phát triển kinh tế.

Như vậy việc phát triển đầu tư trong nước bằng thực hiện Luật KKĐTTN tuy có vẻ ít liên hệ đến việc sử dụng vốn nước ngoài nhưng lại là yếu tố cơ bản tạo điều kiện để sử dụng đầu tư nước ngoài có hiệu quả. Hơn nữa một khi đối tác trong nước đủ mạnh thì việc liên doanh sẽ được nâng cao chất lượng hơn, bên đối tác trong nước tham gia toàn diện hơn vào việc đầu tư, quản lý, kinh doanh như vậy đã góp phần tạo ra hiệu quả chung cuộc là mục tiêu của việc sử dụng vốn nước ngoài hiệu quả nhất là làm lan tỏa công nghệ, kiến thức kinh doanh ra rộng khắp nền kinh tế, tạo điều kiện phát triển kinh tế bền vững và công nghiệp hóa hiện đại hóa một cách vững chắc. ■